

Bản án số: 2007/2024/DS-ST
Ngày: 22 – 5 – 2024
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trúc Chi.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Võ Thị Gái.
- Bà Nguyễn Hương Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh N – Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1970/2023/TLST-DS ngày 20 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1852/2024/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2533/2024/QĐST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng T.

Địa chỉ: Lầu H, 266 - 268 Đường N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Triệu Thanh Ly Na.

Quyết định về việc ủy quyền ký hợp đồng thỏa thuận, văn bản và tham gia tố tụng số 3272/2022/QĐ-PL ngày 26/12/2022 của Ngân hàng T và Giấy ủy quyền số 159/GUY-PGDNDT ngày 25/10/2023 của Ngân hàng T Chi nhánh Q - Phòng G, bà Triệu Thanh Ly N1 vắng mặt theo Đơn xin vắng mặt ngày 19/4/2024.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim Y, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Số B, Đường A, Khu phố E, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 24 tháng 10 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng T có bà Triệu Thanh Ly N1 là người đại diện theo ủy quyền trình bày như sau:

Ngày 14/01/2021, bà Nguyễn Thị Kim Y có ký với Ngân hàng T Chi nhánh Q - Phòng G Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng bao gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 04/2021 ngày 14/01/2021, Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng T có hiệu lực từ ngày 22/10/2022. Căn cứ thu nhập của bà Y, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà Y đã thực hiện các giao dịch và tính đến ngày 23/10/2023, tổng số tiền còn phải trả của bà Y là 25.585.502 đồng và đang bị quá hạn thanh toán 164 ngày. Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với bà Y, yêu cầu khách hàng có trách nhiệm thanh toán ngay các khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để khách hàng trả nợ, tuy nhiên bà Y vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại hợp đồng tín dụng đã ký. Nay Ngân hàng T đề nghị Tòa án tuyên buộc bà Y phải có nghĩa vụ hoàn trả ngay toàn bộ số tiền vốn gốc và tiền lãi tạm tính đến 22/5/2024 là 32.390.702 đồng, bao gồm: Dư nợ gốc là 23.210.102 đồng, tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn là 9.180.600 đồng. Ngoài ra, bà Y còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh và các khoản phí phát sinh theo quy định tại hợp đồng tín dụng đã ký kết kể từ ngày 22/5/2024 cho đến khi trả dứt nợ.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim Y vắng mặt trong suốt quá trình tiến hành tố tụng nên Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức không thu thập được lời trình bày của bà Nguyễn Thị Kim Y

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ trình tự, thủ tục luật định.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn **Ngân hàng T** khởi kiện bị đơn bà **Nguyễn Thị Kim Y** về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, bị đơn có địa chỉ tại **thành phố T**. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn **Ngân hàng T** là bà **Triệu Thanh Ly N1** vắng mặt nhưng có nộp đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn bà **Nguyễn Thị Kim Y** vắng mặt, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức đã thực hiện thủ tục tổng đạt và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng đối với bà **Y**. Căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về yêu cầu của đương sự: Nguyên đơn **Ngân hàng T** yêu cầu bị đơn bà **Nguyễn Thị Kim Y** trả tiền nợ gốc và tiền lãi tạm tính đến ngày 22/5/2024 là 32.390.702 đồng, bao gồm: Dư nợ gốc là 23.210.102 đồng, tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn là 9.180.600 đồng, Hội đồng xét xử nhận định:

[3.1] Về hiệu lực của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 04/2021 ngày 14/01/2021: Căn cứ ý kiến trình bày của **Ngân hàng T**, đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được, có đầy đủ cơ sở để xác định: Ngày 14/01/2021, bà **Nguyễn Thị Kim Y** có ký với **Ngân hàng T Chi nhánh Q - Phòng G** hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 04/2021 ngày 14/01/2021 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của **Ngân hàng T** có hiệu lực từ ngày 22/10/2022. Xét về mặt hình thức, hợp đồng được xác lập bằng văn bản, do người có thẩm quyền của **Ngân hàng T** và bà **Nguyễn Thị Kim Y** cùng ký kết. Về nội dung, hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, thể hiện ý chí tự nguyện của các bên khi tham gia giao dịch, phù hợp quy định tại Điều 117, Điều 118, Điều 119 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 04/2021 ngày 14/01/2021 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của **Ngân hàng T** có hiệu lực từ ngày 22/10/2022 có hiệu lực pháp luật, là căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia giao dịch.

[3.2] Nguyên đơn **Ngân hàng T** yêu cầu bị đơn bà **Nguyễn Thị Kim Y** trả tiền nợ gốc tạm tính đến ngày 22/5/2024 là 32.390.702 đồng, bao gồm: Dư nợ gốc là 23.210.102 đồng, tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn là 9.180.600 đồng, Hội

đồng xét xử nhận định: Theo Tóm tắt sao kê ngày cũng như bản tự khai của Ngân hàng T thì số tiền nợ gốc mà bà Y phải trả cho Ngân hàng T là 23.210.102 đồng. Do bà Y không có mặt trong quá trình tố tụng mặc dù đã được Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nên Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức không thu thập được các tài liệu, chứng cứ do bà Y xuất trình. Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng T giao nộp, căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, Hội đồng xét xử buộc bà Nguyễn Thị Kim Y hoàn trả ngay số tiền vốn gốc 23.210.102 đồng cho Ngân hàng T, giao nhận tiền tại Ngân hàng T hoặc cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[3.3] Nguyên đơn Ngân hàng T yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Kim Y trả tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn là 9.180.600 đồng, Hội đồng xét xử nhận định: Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà Y đã thực hiện các giao dịch và tính đến ngày 23/10/2023, tổng số tiền còn phải trả của bà Y là 25.585.502 đồng và đang bị quá hạn thanh toán 164 ngày. Sau đó bà Y không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo thoả thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết. Nay Ngân hàng T yêu cầu bị đơn bà Y trả tiền lãi tính đến ngày 22/5/2024 số tiền 9.180.600 đồng là phù hợp quy định tại Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010.

[3.4] Như vậy, tổng số tiền bà Nguyễn Thị Kim Y phải trả cho Ngân hàng T tạm tính đến ngày 04/04/2024 là 32.390.702 (ba mươi triệu tám trăm bốn mươi chín nghìn chín trăm lẻ hai) đồng.

[3.5] Ngân hàng T yêu cầu bà Y thanh toán tiền lãi phát sinh ngay sau ngày 22/5/2024 cho đến khi trả dứt nợ. Xét yêu cầu của Ngân hàng T là đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của Ngân hàng T và phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu tiền án phí.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức là phù hợp quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 357, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Luật Thi hành án dân sự;

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn **Ngân hàng T**:

Buộc bà **Nguyễn Thị Kim Y** hoàn trả cho **Ngân hàng T** số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 22/5/2024 là 32.390.702 (ba mươi triệu, ba trăm chín mươi nghìn, bảy trăm linh hai) đồng, bao gồm: Dư nợ gốc là 23.210.102 đồng, tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn là 9.180.600 đồng,

Thực hiện ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, giao nhận tiền tại **Ngân hàng T** hoặc cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 22/5/2024, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trong trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí:

- Bà **Nguyễn Thị Kim Y** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 1.619.535 (một triệu, sáu trăm mười chín nghìn, năm trăm ba mươi lăm) đồng, bà **Y** chưa nộp tiền án phí.

- Hoàn trả cho **Ngân hàng T** số tiền tạm ứng án phí 639.638 (sáu trăm ba mươi chín nghìn, sáu trăm ba mươi tám) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0000714 ngày 16/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức.

3. Về quyền kháng cáo:

- Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án

theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục Thi hành án dân sự Tp. Thủ Đức;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Trúc Chi